

– Sửa bài, GV cho HS **trình bày** theo nhóm (mỗi nhóm / đồng hồ), **khuyến khích** HS xoay kim đồng hồ và nói giờ kém (ở đồng hồ thứ hai, thứ ba và thứ năm).

Bài 3:

- HS nhóm đôi **tìm hiểu** bài, thảo luận và thực hiện.
- Các nhóm **trình bày**, các nhóm khác **nhận xét**.
- Khi sửa bài, GV giúp HS nếu các nhóm trả lời sai.

Bài 4:

– Nhóm bốn HS **tìm hiểu** bài và **thực hiện** từng câu.
– Khi sửa bài, GV khuyến khích HS **nói** theo nhiều cách khác nhau và dùng mô hình đồng hồ thể hiện cách tính thời gian (câu b).

a) Chúng em bắt đầu liên hoan văn nghệ vào lúc 9 giờ 25 phút và kết thúc lúc 9 giờ 55 phút (hay: Lúc 9 giờ 25 phút, chúng em bắt đầu liên hoan văn nghệ và kết thúc lúc 10 giờ kém 5 phút).

b) Buổi liên hoan văn nghệ kéo dài trong 30 phút.

CÙNG CỐ

Trò chơi ĐÓ BẠN

GV đọc giờ – HS xoay kim đồng hồ (hoặc ngược lại).

HS tiếp tục chơi theo nhóm đôi (hoặc HS thay phiên nhau điều khiển lớp).

BÀI TOÁN GIẢI BẰNG HAI BƯỚC TÍNH (2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Làm quen với “Bài toán giải bằng hai bước tính”.
- Ôn tập: phương pháp (bốn bước) để giải bài toán có lời văn.
- Vận dụng giải và trình bày bài giải.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt.

Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, yêu nước.

B. Thiết bị dạy học

GV: các thẻ từ có viết bốn bước giải toán (cho hoạt động Khởi động); 23 khối lập phương; bảng phụ vẽ tóm tắt và ghi bước giải của Luyện tập 3.

HS: 12 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”.

GV chia lớp thành hai đội, bốn HS / đội.

GV gắn các thẻ từ lên bảng:



HS lên sắp xếp theo đúng thứ tự các bước giải toán.

Đội nào gắn xong trước và đúng thì thắng cuộc.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu bài toán và cách giải

Bài toán

- HS đọc để bài kết hợp chỉ tay vào tóm tắt.

HS nhận biết yêu cầu của bài (bạn Ong nói: hoàn thiện bài giải).



- HS xác định.

- Bài toán hỏi: Cả hai tổ trồng được bao nhiêu cây?
 - Tổ 1 trồng được mấy cây? (8 cây)
 - Tổ 2 trồng được mấy cây? (Chưa biết, bài toán chỉ cho biết tổ 2 trồng nhiều hơn tổ 1 là 4 cây.)
 - Nếu thêm 4 vào số cây của tổ 1 sẽ được số cây của tổ 2.
 - Gộp số cây của hai tổ lại sẽ tìm được số cây cả hai tổ trồng được.
- HS nhóm đôi tự thực hiện phép tính và viết câu trả lời.

Bài giải
 $8 + 4 = 12$
Tổ 2 trồng được 12 cây.
 $8 + 12 = 20$
Cả hai tổ trồng được 20 cây.

Hoặc

Bài giải
Số cây tổ 2 trồng được là:
 $8 + 4 = 12$ (cây)
Số cây cả hai tổ trồng được là:
 $8 + 12 = 20$ (cây)
Đáp số: 20 cây.

- Kiểm tra: Tổ 1 trồng được 8 cây, cả hai tổ trồng được 20 cây, có đúng là tổ 2 trồng được nhiều hơn tổ 1 là 4 cây không? ($20 - 8 = 12$; $12 - 8 = 4$)

2. Thực hành

Bài 1: HS (nhóm đôi) **đọc** kĩ đề bài, **nhận biết** cái phải tìm, cái đã cho và **thực hiện**.

Lưu ý HS **nhận biết** được: Thu cất được ít hơn Tuấn 5 lá cờ.

Khi sửa bài, nếu cần thiết, GV dùng các khối lập phương để minh họa.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- HS nhóm đôi **thảo luận** và **thực hiện** theo bốn bước.
- Khi sửa bài, khuyến khích các em **giải thích** tại sao chọn các bước tính theo thứ tự này.

Bài giải

$$71 - 16 = 55$$

Vườn của cậu Út có 55 thùng ong mật.

$$71 + 55 = 126$$

Trong cả hai khu vườn có 126 thùng ong mật.

Ví dụ: Vườn nhà cậu Út có ít thùng hơn → tìm số bé → tính trừ.

Bài 2:

- HS (cá nhân) **đọc** kĩ đề bài, **nhận biết** cái phải tìm, cái đã cho và **thực hiện**.
- Lưu ý HS **nhận biết**: nếu thêm 14 vào số gạch anh Minh lát thì sẽ tìm được số gạch bác Dũng lát.
- Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS nói cách làm.

Bài giải

$$27 + 14 = 41$$

Bác Dũng lát được 41 viên gạch.

$$27 + 41 = 68$$

Cả hai người đã lát được 68 viên gạch.

Ví dụ: Bác Dũng lát được nhiều hơn, nên chọn phép cộng;

Gộp cả hai, nên chọn phép tính cộng; ...

Bài 3:

- HS nhóm đôi tìm **hiểu bài**, thảo luận và thực hiện.
- Các nhóm **trình bày**, các nhóm khác **nhận xét**.
- Khi sửa bài, GV có thể tổ chức cho HS chơi, thi đua hai đội, hai HS / đội, đội nào gần đúng cặp và xong trước thì thắng cuộc.

CÙNG CỐ

GV có thể cho HS nêu lại bốn bước cần thực hiện khi giải toán, rồi nói những việc chính cần thực hiện trong mỗi bước.

HS tiếp tục chơi theo nhóm đôi (hoặc HS thay phiên nhau điều khiển lớp).

LÀM QUEN VỚI BIỂU THỨC

(1 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Làm quen với biểu thức, giá trị của biểu thức.
- Tính giá trị của các biểu thức đơn giản.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

Phẩm chất: trách nhiệm, chăm chỉ.

B. Thiết bị dạy học

GV: Băng giấy màu trắng và ba băng giấy màu như SGK (được phóng to: cm \rightarrow dm).

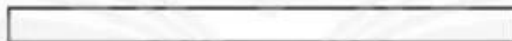


C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

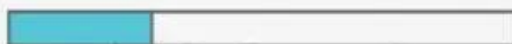
KHỞI ĐỘNG

GV nói, HS viết phép tính trên băng con.

- GV: Có một băng giấy trắng (GV gắn băng giấy lên bảng).



- GV: Tô 2 dm giấy là màu xanh (GV dán 1 băng màu xanh tương trưng cho việc tô màu).



HS viết: $2 + 2$.

- GV: Tô thêm 2 dm màu xanh (GV dán thêm 1 băng màu xanh).



HS viết: $2 + 2 + 2$.

- GV: Tô tiếp 3 dm màu cam thì vừa kín băng giấy (GV dán băng màu cam).



HS viết: $2 + 2 + 3$.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu biểu thức

- GV chọn một băng con của HS gắn lên bảng lớp và giới thiệu: $2 + 2 + 3$ là một biểu thức.
- GV nói: Các tổng, hiệu, tích, thương cũng có tên gọi chung là biểu thức.